

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 58/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao.

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Ngoại giao là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đối ngoại, gồm: Công tác ngoại giao, biên giới, lãnh thổ quốc gia, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế, quản lý các cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) và hoạt động của các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật hàng năm của Bộ Ngoại giao đã được phê duyệt và các dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng, chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ Ngoại giao quản lý.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ Ngoại giao quản lý hoặc theo phân công.

3. Ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao sau khi được phê duyệt; tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

5. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại của các Bộ, ngành, các cơ quan có liên quan và các địa phương:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại nhà nước, tổng hợp chương trình hoạt động đối ngoại của các Bộ, ngành; hướng dẫn tổ chức thực hiện và yêu cầu các Bộ, ngành báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện các hoạt động đối ngoại; hướng dẫn và kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện thống nhất các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật liên quan tới hoạt động đối ngoại của Nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm thực hiện quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại của các địa phương.

6. Quản lý các hoạt động hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

7. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan bảo vệ chủ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

8. Về nghiên cứu và tham mưu dự báo chiến lược:

a) Thông tin và tham mưu kịp thời cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các vấn đề liên quan đến tình hình thế giới và quan hệ quốc tế của Việt Nam;

b) Chủ trì nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất các vấn đề có tính dự báo, chiến lược liên quan đến tình hình thế giới, quan hệ quốc tế, luật pháp quốc tế; quan hệ chính trị, kinh tế, văn hoá của Việt Nam;

c) Tổ chức nghiên cứu, tổng kết, biên soạn và xuất bản các ấn phẩm, công trình nghiên cứu khoa học về đối ngoại, lịch sử ngoại giao Việt Nam, thế giới và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

9. Về đại diện trong hoạt động đối ngoại nhà nước:

a) Đại diện cho Nhà nước trong quan hệ ngoại giao với các nước, các tổ chức quốc tế liên chính phủ; tiến hành các hoạt động đối ngoại của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Trình Chính phủ việc thiết lập, thay đổi mức độ hoặc đình chỉ quan hệ ngoại giao, lãnh sự với các nước, các tổ chức quốc tế liên chính phủ; việc thành lập, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Đề xuất đề Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước cử, triệu hồi Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Đại diện thường trực của Việt Nam tại Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại thế giới và Đại diện của Chủ tịch nước tại các tổ chức quốc tế;

d) Bổ nhiệm, triệu hồi Đại diện thường trực của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này; người đứng đầu cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài; quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Lãnh sự danh dự Việt Nam ở nước ngoài.

10. Về lễ tân nhà nước:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về nghi lễ đối ngoại và quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, quản lý việc thực hiện quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và nghi lễ ngoại giao đối với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế;

b) Triển khai việc chấp thuận đại diện ngoại giao của các nước, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài;

c) Chuẩn bị và phục vụ các đoàn cấp cao nhà nước đi thăm các nước hoặc dự hội nghị quốc tế; tổ chức đón tiếp các đoàn cấp cao các nước, các tổ chức quốc tế thăm Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Về công tác ngoại giao kinh tế:

a) Xây dựng quan hệ chính trị và khung pháp lý song phương, đa phương phù hợp nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam;

b) Nghiên cứu, dự báo và thông tin về các vấn đề kinh tế quốc tế và quan hệ kinh tế quốc tế; phối hợp tham mưu, xây dựng chủ trương, chính sách phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; xử lý các vấn đề nảy sinh liên quan đến kinh tế đối ngoại theo phân công của Chính phủ; chủ trì, phối hợp vận động chính trị, ngoại giao hỗ trợ các hoạt động kinh tế đối ngoại;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan xây dựng và triển khai các chủ trương, chính sách, chương trình, hoạt động ngoại giao kinh tế;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và tổ chức có liên quan nâng cao hiệu quả tham gia của Việt Nam tại các tổ chức, cơ chế và diễn đàn hợp tác kinh tế quốc tế và khu vực theo phân công của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

12. Về công tác ngoại giao văn hóa:

a) Xây dựng cơ sở pháp lý và chính sách về công tác ngoại giao văn hóa;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương quản lý và triển khai công tác ngoại giao văn hóa ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì các hoạt động của Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam; đảm nhiệm các chức năng Chủ tịch và Ban Thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.

13. Về công tác thông tin đối ngoại:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan triển khai hoạt động thông tin đối ngoại ở nước ngoài; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý hoạt động thông tin đối ngoại ở nước ngoài;

b) Chủ trì theo dõi, nghiên cứu, tổng hợp dư luận báo chí nước ngoài phục vụ thông tin đối ngoại;

c) Phát ngôn quan điểm, lập trường chính thức của Việt Nam về các vấn đề đối ngoại; tổ chức các cuộc họp báo quốc tế;

d) Quản lý và cấp phép cho hoạt động báo chí của phóng viên nước ngoài tại Việt Nam và của các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam theo lời mời của lãnh đạo nhà nước và Bộ Ngoại giao;

đ) Quản lý hệ thống trang tin điện tử của Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phục vụ công tác thông tin đối ngoại;

e) Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí trong nước đưa tin về hoạt động đối ngoại của lãnh đạo nhà nước, Bộ Ngoại giao và tình hình quốc tế, tin trong nước liên quan đến đối ngoại.

14. Về công tác lãnh sự:

a) Bảo hộ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế;

b) Thực hiện công tác hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự, ủy thác tư pháp, hộ tịch, quốc tịch, xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài thuộc đối tượng do Bộ Ngoại giao quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý, chỉ đạo công tác lãnh sự của các cơ quan ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện công tác lãnh sự khác theo quy định của pháp luật, phân công của Chính phủ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

15. Về quản lý nhà nước đối với hoạt động di trú của công dân Việt Nam ra nước ngoài:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng chủ trương, chính sách về vấn đề di cư quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và thông lệ quốc tế;

b) Phối hợp quản lý di cư hợp pháp, ngăn chặn di cư bất hợp pháp và xử lý các vấn đề có liên quan;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc hướng dẫn, kiểm tra công tác liên quan đến hoạt động di trú của công dân Việt Nam ra nước ngoài.

16. Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu, tổng hợp tình hình, đề xuất và thực hiện chủ trương, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

c) Tổ chức, hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài trong các mối liên hệ với trong nước và ngược lại, đóng góp vào sự phát triển đất nước;

d) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài ổn định cuộc sống, hòa nhập vào đời sống xã hội nước sở tại, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam.

17. Về biên giới, lãnh thổ quốc gia:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan thực hiện nghiên cứu, tổng hợp, kiểm tra, đánh giá tình hình quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia, vùng trời, các vùng biển, các hải đảo và thềm lục địa của Việt Nam; giải quyết tranh chấp, đấu tranh bảo vệ biên giới, toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trên đất liền, vùng trời, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa; đề xuất chủ trương, chính sách và các biện pháp quản lý thích hợp;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tham mưu về việc xác định biên giới quốc gia, các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam; xác định phạm vi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên đất liền, vùng trời, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng phương án hoạch định biên giới quốc gia; xác định ranh giới vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam với các nước láng giềng liên quan;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan triển khai thực hiện các văn kiện pháp lý quốc tế về biên giới; phân giới và cắm mốc quốc giới trên cơ sở các điều ước quốc tế về hoạch định biên giới quốc gia được ký kết giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước láng giềng; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện và yêu cầu các Bộ, ngành và địa phương có liên quan báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác quản lý, bảo vệ biên giới;

đ) Trình Thủ tướng Chính phủ xử lý hoặc hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh trong hoạt động của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trên đất liền, vùng trời, các vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.

18. Về quản lý cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

a) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và thành viên của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức, biên chế của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ, cử, triệu hồi các thành viên của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, tổ chức quản lý, sử dụng tài sản, cơ sở vật chất, kỹ thuật và kinh phí của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

19. Về quản lý hoạt động đối ngoại đối với đại diện của các cơ quan, các tổ chức của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là các cơ quan, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài), các đoàn Việt Nam được cử đi công tác nước ngoài:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài, các đoàn Việt Nam được cử đi công tác ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật Việt Nam, nước tiếp nhận và luật pháp quốc tế.

20. Quản lý hoạt động của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan lãnh sự danh dự nước ngoài và các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế liên chính phủ đặt tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

21. Quản lý các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

22. Về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về công tác điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế;

b) Kiểm tra các đề xuất đàm phán, ký, gia nhập điều ước quốc tế của các Bộ, ngành, cơ quan trước khi trình Chính phủ;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất với Chính phủ về việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về hòa bình, an ninh, biên giới, lãnh thổ, chủ quyền quốc gia và lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao;

d) Tổ chức biên soạn và ấn hành Niên giám điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến quản lý nhà nước về điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định của Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, Pháp lệnh ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

23. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng viên chức, vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật.

24. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao; tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí và xử lý các vi phạm pháp luật về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật.

25. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị được giao và ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

26. Xây dựng, ban hành và triển khai chương trình cải cách hành chính của Bộ Ngoại giao theo chương trình, kế hoạch tổng thể cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

27. Thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật.

28. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ ASEAN.
2. Vụ Châu Âu.
3. Vụ Châu Mỹ.
4. Vụ Đông Bắc Á.
5. Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương.
6. Vụ Tây Á - Châu Phi.
7. Vụ Chính sách đối ngoại.
8. Vụ các Tổ chức quốc tế.
9. Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế.
10. Vụ Hợp tác kinh tế đa phương.
11. Vụ Tổng hợp kinh tế.
12. Vụ Văn hóa đối ngoại và UNESCO.
13. Vụ Thông tin báo chí.
14. Vụ Thi đua - khen thưởng và Truyền thống ngoại giao.
15. Vụ Tổ chức Cán bộ.
16. Văn phòng Bộ.
17. Thanh tra Bộ.
18. Cục Cơ yếu.
19. Cục Ngoại vụ.

20. Cục Lãnh sự.
21. Cục Lễ tân Nhà nước.
22. Cục Quản trị tài vụ.
23. Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh.
24. Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài.
25. Ủy ban Biên giới quốc gia.
26. Học viện Ngoại giao.
27. Cục Phục vụ ngoại giao đoàn.
28. Báo Thế giới và Việt Nam.
29. Trung tâm Hướng dẫn báo chí nước ngoài.
30. Trung tâm Biên phiên dịch quốc gia.
31. Trung tâm Thông tin.
32. Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Các tổ chức quy định từ Khoản 1 đến Khoản 25 Điều này là các tổ chức giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ Khoản 26 đến Khoản 31 Điều này là các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao.

Các tổ chức quy định tại Khoản 32 Điều này là các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được Chính phủ thành lập và do Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý.

Các Vụ Đông Bắc Á, Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương, Châu Mỹ, Tây Á - Châu Phi được tổ chức 03 phòng; Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế được tổ chức 04 phòng; các Vụ Châu Âu, Tổ chức Cán bộ được tổ chức 06 phòng.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban Biên giới quốc gia, Học viện Ngoại giao; ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập khác còn lại thuộc Bộ Ngoại giao.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ, trừ các đơn vị quy định từ Khoản 24 đến Khoản 26 của Điều này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2013.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). *107*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng